TÒA ÁN NHÂN DÂN **Q. THANH KHÊ - TP. ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2020/HNGĐ-ST
Ngày 15 tháng 7 năm 2020
Về tranh chấp "Ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH KHÊ - TP. ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Lưu Thị Hằng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hồng

Ông Nguyễn Duy Thảo

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Cẩm Anh - Thư ký Tòa án nhân dân quận Thanh Khê thành phố Đà Nẵng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê tham gia phiên toà:* Ông Bùi Quốc Tín - Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Khê thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 46/2020/TLST-HNGĐ, ngày 10 tháng 02 năm 2020, về việc *"Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 28.5.2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 46/2020/QĐST-HNGĐ, ngày 19.6.2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị Th, sinh năm 1976 (có mặt);

- Bị đơn: Ông Hồ Phước D, sinh năm 1964 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Số 32 đường Đ, tổ 34 phường Vĩnh Trung, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Th như sau:*

Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Th và ông Hồ Phước D kết hôn vào ngày 27 tháng 6 năm 1997 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Vĩnh

Trung, quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, ông bà chung sống với nhau tại địa chỉ số 32 Đ, tổ 34 phường Vĩnh Trung, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng. Bà Th xác nhận trong quá trình chung sống đến năm 2000 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là ông D ăn nhậu bê tha, chửi bới, cờ bạc, thường xuyên xúc phạm đến danh dự nhân phẩm bà. Nay bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Hồ Phước D.

Về con chung: Bà Lê Thị Th và ông Hồ Phước D có hai con chung tên Hồ Thị Ngọc M, sinh ngày 21.10.1997 và Hồ Thị Ngọc D1, sinh ngày 06.08.2000. Các con đã đủ tuổi trưởng thành nên bà Th không có ý kiến gì.

- Về tài sản chung: Bà Lê Thị Th tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà Lê Thị Th xác định không có.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Hồ Phước D nhiều lần về Thông báo thụ lý, các lần hòa giải cũng như triệu tập tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng ông vẫn vắng mặt không có lý do và không có ý kiến gì đối với yêu cầu xin ly hôn của bà Th nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật, những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án. Về nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho bà Lê Thị Th được ly hôn với ông Hồ Phước D, các con chung đã trưởng thành nên Viện kiểm sát không có ý kiến; Tài sản chung bà Th tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nợ chung bà Th xác định không có; ông Hồ Phước D không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu của Nguyên đơn nên Viện kiểm sát không đề cập đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê phát biểu về việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự và quan điểm giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, bị đơn ông Hồ Phước D được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng nên căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông D.

[2] Về nội dung: Bà Lê Thị Th và ông Hồ Phước D kết hôn vào ngày 27 tháng 6 năm 1997, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường Vĩnh Trung, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng theo Giấy đăng ký kết hôn số 61 ngày 27 tháng 6 năm 1997, quyển số I/97. Đây là hôn nhận hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[3] Quá trình chung sống được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân theo bà Th trình bày là do quan điểm sống, tính tình không hợp, vợ chồng không có tiếng nói chung, bà xác định không còn tình cảm với ông D. Tại phiên tòa bà vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin được ly hôn ông Hồ Phước D. Căn cứ vào kết quả xác minh tại chính quyền địa phương xác định vợ chồng có nhiều xích mích trong cuộc sống, ông D vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, chứng tỏ ông không còn thiện chí xây dựng hạnh phúc gia đình, điều đó thể hiện mâu thuẫn vợ chồng đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin được ly hôn của bà Lê Thị Th là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Bà Th và ông D có hai con chung tên Hồ Thị Ngọc M, sinh ngày 21.10.1997 và Hồ Thị Ngọc D1, sinh ngày 06.08.2000, các con đã đủ tuổi trưởng thành nên không đề cập.

[5] Về tài sản chung: Bà Th tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về nợ chung: Bà Th xác định không có, ông D vắng mặt và không có ý kiến phản hồi nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[7] Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà Lê Thị Th phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Th về tranh chấp "Ly hôn" đối với ông Hồ Phước D.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Lê Thị Th được ly hôn ông Hồ Phước D.

2. Về con chung: Có hai con chung tên Hồ Thị Ngọc M, sinh ngày 21/10/1997 và Hồ Thị Ngọc D1, sinh ngày 06/08/2000. Các con đã đủ tuổi trưởng thành nên không đề cập đến.

3. Về tài sản chung: Bà Th không yêu cầu Tòa án giải quyết; ông D không có ý kiến phản hồi nên không đề cập đến.

3. Về nợ chung: Bà Th xác định không có; ông D không có ý kiến gì nên không xem xét giải quyết.

4. Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) bà Lê Thị Th phải chịu, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 1748 ngày 10/02/2020 của Chi cục thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng, bà Th đã nộp đủ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Án xử công khai, nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tống đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận: **T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

- VKSND quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng;
- CCTHADS quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng;
- UBND phường Vĩnh Trung, quận Thanh Khê;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lưu Thị Hằng